

Bản án số: 106/2024/HSST
Ngày 20 tháng 9 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VT, TỈNH VP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Huyền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Triển;

Ông Phùng Văn Thông;

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An, Thư ký Tòa án nhân dân huyện VT, tỉnh VP.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VT, tỉnh VP tham gia phiên tòa:
Ông Đặng Anh Tuấn, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2024, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện VT, tỉnh VP, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 95/2024/HSST ngày 23 tháng 8 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2024/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 9 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lưu Hồng H** (tên gọi khác: không), sinh ngày 28/9/1997 tại phường TS, thành phố VY, tỉnh VP; nơi cư trú: TDP ĐT, phường TS, thành phố Y, tỉnh VP; Dân tộc: Kinh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa 11/12; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt nam; con ông Lưu Hồng P, sinh năm 1969 và bà Tô Thị H, sinh năm 1974; vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Anh T.V.S, sinh năm 1992, vắng mặt;

+ Anh B.Đ.C, sinh năm 1970, vắng mặt;

Đều cư trú: thôn YT, xã YB, huyện VT, VP

+ Anh Đ.A.D, sinh năm 1996, vắng mặt;

Nơi ĐKKHKT: xã CL, huyện ĐA, thành phố HN.

Hiện nay đang thuê trọ tại: Ngõ 12 Đường ĐBP, phường TS, thành phố VY, tỉnh VP.

+ Bà N.T.H, sinh năm 1976, vắng mặt;

Nơi cư trú: Thôn YT, xã YB, huyện VT, VP.

+ Anh T.D.Đ, sinh năm 1995, vắng mặt;

Nơi cư trú: TDP TQ, thị trấn G.K, huyện BX, tỉnh VP;

+ Anh Nguyễn Biên T, sinh năm 2001, vắng mặt;

Nơi cư trú: thôn LL, xã HT, huyện TD, VP.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lưu Hồng H, sinh năm 1997, trú tại phường TS, TP. VY, tỉnh VP không có giấy phép kinh doanh trong lĩnh vực cho vay, cấp tín dụng. Khoảng tháng 5/2022, H đi đến xã YB, huyện VT, tỉnh VP và ngồi chơi tại một quán nước ven đường (H không nhớ cụ thể quán nước này ở đâu) thì được một số người dân nói cho biết thông tin hiện có một số người trên địa bàn xã YB đang có nhu cầu vay tiền nhưng không muốn làm thủ tục vay tại hệ thống ngân hàng nhà nước hoặc các tổ chức tín dụng hợp pháp. Do vậy, H đã để lại thông tin cá nhân và số điện thoại của H cho một số người dân để ai có nhu cầu vay tiền thì liên lạc với H. Sau đó, từ tháng 5/2022 đến tháng 10/2023, đã có 02 người liên lạc hỏi vay tiền của H gồm: anh T.V.S, sinh năm 1992 và anh Bùi Văn C, sinh năm 1970 đều trú tại thôn YT, xã YB, huyện VT. Sau khi, anh S và anh C liên lạc hỏi vay tiền của H thì H đều hẹn anh S và anh C đến khu vực đường liên thôn thuộc thôn YT, xã YB để giao dịch; Mỗi lần cho anh S và anh C vay tiền, H đều yêu cầu anh S, anh C phải tự viết thông tin cá nhân của anh S, anh C, cùng số tiền vay, ngày vay vào một giấy vay tiền kiêm nhận nợ do H đưa, rồi ký tên dưới mục “người vay tiền” và đưa cho H giữ giấy vay tiền kiêm nhận nợ này. H không yêu cầu anh S, anh C pH để lại giấy tờ, tài sản gì. Cụ thể quá trình giao dịch cho vay tiền giữa H với anh S, anh C như sau:

- *Đối với anh T.V.S:* H cho anh S vay tiền 01 lần.

Ngày 11/6/2023, anh S vay của H số tiền 15.000.000đ với lãi suất thỏa thuận là 5.000đ/1.000.000đ tiền vay/01 ngày (tương ứng với lãi suất 182,5%/năm, gấp 9,13 lần so với mức lãi suất cao nhất trong giao dịch dân sự quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015), thời gian trả lãi là 10 ngày trả một lần. H cắt lãi trước 10 ngày tính từ ngày 11/6/2023 đến ngày 20/6/2023 tương ứng với số tiền 750.000đ, rồi đưa cho anh S cầm số tiền 14.250.000đ.

Sau khi vay tiền của H thì vào các ngày 21/6/2023, 02/7/2023, 12/7/2023, 22/7/2023, 01/8/2023, 02/8/2023, 11/8/2023, 21/8/2023, 31/8/2023, 10/9/2023, 20/9/2023, 01/10/2023, 11/10/2023, 20/10/2023, 30/10/2023, 09/11/2023, 20/11/2023, 30/11/2023, 09/12/2023, 19/12/2023, 29/12/2023, 08/01/2024, 18/01/2024, 28/01/2024, 07/02/2024, 17/02/2024, 28/02/2024, 09/3/2024,

18/3/2024, 29/3/2024, 08/4/2024, 18/4/2024, 28/4/2024, 08/5/2024, 18/5/2024, 28/5/2024 anh S đã chuyển khoản và đưa tiền mặt cho H tổng số tiền 26.250.000đ để trả cho H tiền lãi của 350 ngày tính từ ngày 21/6/2023 đến ngày 04/6/2024. Việc chuyển khoản trả tiền lãi thì anh S sử dụng tài khoản ngân hàng số 9984932434 mở tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) của anh S để chuyển khoản vào tài khoản số 0967652222 mở tại ngân hàng TMCP Quân đội (MB) của H và tài khoản số 105873535081 (0869867789) mở tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam do H mượn của anh T.D.Đ, sinh năm 1995, trú tại thị trấn GK, huyện BX, tỉnh VP. Đến nay, anh S vẫn chưa trả tiền gốc vay cho H.

Tổng số tiền gốc H cho anh S vay là 15.000.000đ với lãi suất 5.000đ/1.000.000đ tiền vay/01 ngày (tương ứng với mức lãi suất 182,5%/năm, gấp 9,13 lần so với mức lãi suất cao nhất trong giao dịch dân sự quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự 2015). Anh S chưa trả tiền gốc cho H. Tổng số tiền lãi anh S đã trả cho H là 27.000.000đ, trong đó số tiền lãi tối đa H được hưởng theo quy định của pháp luật tương đương với mức lãi suất 20%/năm là 2.958.904đ, số tiền lãi H thu lời bất C của anh S từ việc cho anh S vay tiền với lãi suất cao là 24.041.096đ. Do vậy, cần phải truy thu của H số tiền 2.958.904đ là tiền H thu lời bất C từ việc cho anh S vay tiền với lãi suất cao, để sung Ngân sách Nhà nước và buộc H pH trả lại cho anh S số tiền thu lời bất C của anh S là 24.041.096đ (ngày 09/7/2027 H đã trả lại cho anh S số tiền này); Truy thu của anh S số tiền 15.000.000đ là tiền gốc anh S đã vay của H nhưng chưa trả cho H để sung Ngân sách Nhà nước vì đây là tiền H sử dụng làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội.

- *Đối với anh B.Đ.C:* H cho anh C vay tiền 02 lần.

Lần 1: Ngày 04/5/2022, anh C vay của H số tiền 5.000.000đ với lãi suất thỏa thuận là 5.000đ/1.000.000đ tiền vay/01 ngày (tương ứng với lãi suất 182,5%/năm, gấp 9,13 lần so với mức lãi suất cao nhất trong giao dịch dân sự quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015), thời gian trả lãi là 20 ngày trả một lần. H cắt lãi trước 20 ngày tính từ ngày 04/5/2022 đến ngày 23/5/2022 tương ứng với số tiền 500.000đ, rồi đưa cho anh C cầm số tiền 4.500.000đ. Sau đó, anh C đã 26 lần đưa tiền trực tiếp cho H với tổng số tiền là 13.000.000đ để trả cho H tiền lãi của khoản vay nêu trên tính từ ngày 24/5/2022 đến ngày 26/10/2023.

Lần 2: Ngày 27/10/2023, anh C tiếp tục vay thêm của H số tiền 10.000.000đ vẫn với lãi suất thỏa thuận là 5.000đ/1.000.000đ tiền vay/01 ngày (tương ứng với lãi suất 182,5%/năm, gấp 9,13 lần so với mức lãi suất cao nhất trong giao dịch dân sự quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015) thời gian trả lãi là 10 ngày trả một lần. H thu trước 10 ngày tiền lãi của khoản vay này tính

từ ngày 27/10/2023 đến ngày 05/11/2023 tương đương với số tiền 500.000đ và thu 20 ngày tiền lãi của khoản vay lần 1 tính từ ngày 27/10/2023 đến ngày 15/11/2023 tương đương với số tiền 500.000đ nên H chỉ đưa cho anh C số tiền 9.000.000đ. Sau đó, vào các ngày 06/11/2023, 17/11/2023, 29/11/2023, 07/12/2023, 19/12/2023, 29/12/2023, 08/01/2024, 16/01/2024, 28/01/2024, 04/02/2024, 17/02/2024, 25/02/2024, 05/3/2024, 16/3/2024, 26/3/2024, 06/4/2024, 17/4/2024, 25/4/2024, 05/5/2024, 13/5/2024 anh C đã chuyển khoản và trực tiếp đưa tiền mặt cho H với tổng số tiền là 14.500.000đ để trả tiền lãi của khoản vay lần 1 tính từ ngày 16/11/2023 đến ngày 02/6/2024 và tiền lãi của khoản vay lần 2 tính từ ngày 06/11/2023 đến ngày 13/5/2024. Việc chuyển khoản trả tiền lãi thì anh C nhờ bà N.T.H, sinh năm 1976, trú tại xã YB, huyện VT sử dụng tài khoản ngân hàng số 105875429399 mở tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VietinBank) của bà H chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng số 105873535081 (0869867789) do H mượn của anh T.D.Đ nêu trên và tài khoản ngân hàng số 2222668979 mở tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VP Bank) do H mượn của anh Nguyễn Biên T, sinh năm 2001, trú tại xã HT, huyện TD, tỉnh VP.

Đến sáng ngày 03/6/2024, anh C gọi điện cho H và hẹn gặp H để trả tiền gốc vay. H đồng ý và yêu cầu anh C phải trả cho H 16.000.000đ gồm 15.000.000đ tiền gốc và 20 ngày tiền lãi của khoản vay lần 2 tính từ ngày 14/5/2024 đến ngày 02/6/2024, tương ứng với số tiền 1.000.000đ. Do H có việc bận không đến gặp anh C được nên H nói với anh C là H sẽ nhờ người đến xã YB đưa cho anh C giấy vay tiền mà anh C đã viết khi vay tiền của H và bảo anh C đưa 16.000.000đ cho người này cầm về cho H thì anh C đồng ý. Sau đó, H đi đến phòng trọ của anh Đ.A.D, sinh năm 1996, có Hộ khẩu thường trú tại xã CL, huyện ĐA, thành phố H.N, hiện đang thuê trọ tại ngõ 12, đường ĐBP, phường TS, thành phố VY, gặp và nhờ anh D đến xã YB gặp anh C để đưa cho anh C 01 giấy vay tiền kiêm nhận nợ và cầm số tiền 16.000.000đ anh C đưa về đưa lại cho H. Anh D đồng ý. H đưa cho anh D cầm 01 tờ giấy vay tiền kiêm nhận nợ và bảo anh D liên hệ với anh C qua số điện thoại 0375.354.272 của anh C được ghi ở trong giấy nhận nợ. Sau đó, H đi về, còn anh D điều khiển xe mô tô BKS 88B1-189.19 đi một mình đến xã YB, trên đường đi anh D gọi điện cho anh C, hẹn gặp anh C ở khu vực đường liên thôn thuộc thôn YT, xã YB thì anh C đồng ý. Khi đến điểm hẹn, anh D đứng chờ một lúc thì anh C đi đến và đưa cho anh D số tiền 16.000.000đ. Anh D cầm tiền anh C đưa và đưa lại cho anh C cầm 01 tờ giấy vay tiền kiêm nhận nợ thì đúng lúc này lực lượng Công an huyện VT, sau khi nhận được tin báo của quần chúng nhân dân về việc tại thôn YT, xã YB đang có hoạt động cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự nên đã phối hợp cùng công an xã YB đến kiểm tra, xác minh nguồn tin thì phát hiện Đ.A.D vừa nhận của anh Bùi Văn C số tiền 16.000.000đ. Lực lượng công an huyện VT đã tiến hành

lập biên bản sự việc và thu giữ các vật chứng gồm: Thu giữ tại túi quần phía trước bên phải Đ.A.D đang mặc số tiền 16.000.000đ (Mười sáu triệu đồng) và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại Iphone 11 Pro Max, màu xanh, số IMEI: 353906103859527, bên trong gắn 01 thẻ sim điện thoại có in hàng số 8984048000006273440 (sim điện thoại trên mạng số thuê bao 0338.508.735), mật khẩu mở khóa màn hình 051220; Thu giữ trong túi quần phía trước bên trái anh Bùi Văn C đang mặc 01 giấy vay tiền kiêm nhận nợ có nội dung: “Ngày 04/5/2022, anh Bùi Văn C, trú tại thôn YT- xã YB, số điện thoại: 0375.354.272 vay của cửa hàng cầm đồ Nhật Anh, địa chỉ: số 156 đường Hùng Vương-phường TS- TP. VY- tỉnh VP, số điện thoại 0961.233.589 số tiền 5.000.000đ, dưới mục người vay tiền có chữ ký và ghi họ tên của Bùi Văn C”; Thu giữ tại dè đường bên phải hướng từ thôn YT, xã YB đi xã Chấn Hưng 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave alpha, màu xanh - đen, gắn BKS: 88B1-189.19, số khung: RLHHC125GFY772231, số máy: HC12E-717235, không có gương chiếu hậu, kiểm tra bên trong cốp không có đồ vật, tài sản gì.

Như vậy, số tiền gốc H cho anh C vay với lãi suất 5.000đ/1.000.000đ tiền vay/01 ngày (tương ứng với mức lãi suất 182,5%/năm, gấp 9,13 lần so với mức lãi suất cao nhất trong giao dịch dân sự quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự 2015) là 15.000.000đ. Số tiền này anh C đã trả cho H và bị Công an huyện VT thu giữ như đã nêu trên. Tổng số tiền lãi anh C đã trả cho H là 30.000.000đ, trong đó: số tiền lãi tối đa H được hưởng theo quy định của pháp luật là 3.287.671đ tương đương với mức lãi suất 20%/năm, số tiền H thu lời bắt C từ việc cho anh C vay tiền với lãi suất cao là 26.712.329đ. Do vậy, cần truy thu của H số tiền 3.287.671đ là tiền thu lời bắt C từ việc cho anh C vay tiền với lãi suất cao để sung Ngân sách Nhà nước và buộc H pH trả lại cho anh C số tiền thu lời bắt C của anh C là 26.712.329đ (ngày 09/7/2024 H đã trả lại cho anh C số tiền này).

Tổng số tiền H đã cho anh S, anh C vay với 03 lượt vay là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng). Lãi suất cho vay đều là 5.000đ/1.000.000đ tiền vay/01 ngày (tương ứng với mức lãi suất 182,5%/năm, gấp 9,13 lần so với mức lãi suất cao nhất trong giao dịch dân sự quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự 2015). Tổng số tiền lãi H thu được là 57.000.000đ, trong đó: Số tiền lãi tối đa H được thu theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là 6.246.575đ tương đương với mức lãi suất 20%/năm. Do vậy, số tiền H thu lời bắt C là 50.753.425đ. Số tiền H sử dụng để cho anh S, anh C vay đều là tiền của H, toàn bộ số tiền lãi thu được thì chỉ một mình H được hưởng. Vì vậy, cần phải truy thu của H số tiền 6.246.575đ để sung Ngân sách nhà nước vì đây là tiền do H phạm tội mà có và phải buộc H trả lại cho anh S, anh C số tiền H đã thu lời bắt C của những người này là 50.753.425đ (ngày 09/7/2024 H đã trả lại cho anh S và anh C số tiền này).

Căn cứ vào hành vi phạm tội của Lưu Hồng H, ngày 03/6/2024 Cơ quan CSĐT Công an huyện VT ra Lệnh khám xét khẩn cấp chỗ ở của H tại TDP ĐT, phường TS, thành phố VY, tỉnh VP. Kết quả khám xét không phát hiện, thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài sản gì.

Cùng ngày 03/6/2024, trước khi Cơ quan điều tra tiến hành khám xét chỗ ở của H thì H đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 giấy vay tiền kiêm nhận nợ có nội dung: “Ngày 27/10/2023, anh Bùi Văn C, trú tại thôn YT- xã YB- huyện VT có vay của cửa hàng cầm đồ số tiền 10.000.000đ, dưới mục “Người vay tiền” có chữ ký, ghi tên Bùi Văn C” và 01 giấy vay tiền kiêm nhận nợ có nội dung: “Ngày 11/6/2023, anh T.V.S, trú tại thôn YT- xã YB- huyện VT có vay của cửa hàng cầm đồ số tiền 15.000.000đ dưới mục “Người vay tiền” có chữ ký, ghi tên T.V.S”.

Ngày 10/7/2024, Lưu Hồng H tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra số tiền 6.250.000đ là tiền lãi tối đa H được hưởng theo quy định của pháp luật khi cho anh S, anh C vay tiền.

Ngày 05/6/2024, Cơ quan CSĐT Công an huyện VT ra Yêu cầu cơ quan/tổ chức/cá nhân cung cấp chứng cứ, đồ vật, tài liệu, dữ liệu điện tử số 2431, yêu cầu Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VietinBank) - Chi nhánh VP cung cấp:

- Thông tin về chủ tài khoản (Họ tên có dấu; ngày, tháng, năm S; địa chỉ; số điện thoại; số CMND/CCCD; ngày mở tài khoản; chi nhánh mở tài khoản...) của các tài khoản ngân hàng số 105873535081, 105875429399.

- Sao kê toàn bộ giao dịch của tài khoản ngân hàng số 105873535081 với các tài khoản ngân hàng số:

- + 9984932434 trong các ngày 01/8/2023, 02/8/2023, 11/8/2023, 21/8/2023, 10/9/2023, 01/10/2023, 30/10/2023, 09/11/2023, 20/11/2023, 30/11/2023, 09/12/2023, 29/12/2023, 28/01/2024, 07/02/2024, 17/02/2024, 28/02/2024, 18/3/2024.

- + 105875429399 trong các ngày 17/11/2023, 29/11/2023, 07/12/2023, 19/12/2023, 08/01/2024, 16/01/2024, 28/01/2024, 08/3/2024, 16/3/2024.

- Sao kê toàn bộ giao dịch của tài khoản ngân hàng số 105875429399 với các tài khoản ngân hàng số:

- + 105873535081 trong các ngày 17/11/2023, 29/11/2023, 07/12/2023, 19/12/2023, 08/01/2024, 16/01/2024, 28/01/2024, 08/3/2024, 16/3/2024.

- + 2222668979 trong ngày 17/4/2024.

Ngày 06/6/2024, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VietinBank)- Chi nhánh VP có Công văn phúc đáp số 652/CV-CNVP-DVKH, xác định: Chủ tài khoản số 105873535081 là anh T.D.Đ, chủ tài khoản 105875429399 là bà

N.T.H, kèm theo công văn là sao kê các giao dịch theo yêu cầu của Cơ quan điều tra.

Ngày 05/6/2024, Cơ quan CSĐT Công an huyện VT ra Yêu cầu cơ quan/tổ chức/cá nhân cung cấp chứng cứ, đồ vật, tài liệu, dữ liệu điện tử số 2432, yêu cầu Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank)- Chi nhánh VP cung cấp:

- Thông tin về chủ tài khoản (Họ tên có dấu; ngày, tháng, năm S; địa chỉ; số điện thoại; số CMND/CCCD; ngày mở tài khoản; chi nhánh mở tài khoản...) của tài khoản ngân hàng số 9984932434.

- Sao kê toàn bộ giao dịch của tài khoản ngân hàng trên với các tài khoản ngân hàng số:

- + 0967652222 trong các ngày 21/6/2023, 12/7/2023, 22/7/2023.

- + 105873535081 trong các ngày 01/8/2023, 02/8/2023, 11/8/2023, 21/8/2023, 10/9/2023, 01/10/2023, 30/10/2023, 09/11/2023, 20/11/2023, 30/11/2023, 09/12/2023, 29/12/2023, 28/01/2024, 07/02/2024, 17/02/2024, 28/02/2024, 18/3/2024.

Ngày 07/6/2024, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank)- Chi nhánh VP có Công văn phúc đáp số 727/VCBVP-KT, xác định: chủ tài khoản trên là anh T.V.S, kèm theo công văn là sao kê các giao dịch theo yêu cầu của Cơ quan điều tra.

Ngày 05/6/2024, Cơ quan CSĐT Công an huyện VT ra Yêu cầu cơ quan/tổ chức/cá nhân cung cấp chứng cứ, đồ vật, tài liệu, dữ liệu điện tử số 2433, yêu cầu Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VP Bank)- Chi nhánh VP cung cấp:

- Thông tin về chủ tài khoản (Họ tên có dấu; ngày, tháng, năm S; địa chỉ; số điện thoại; số CMND/CCCD; ngày mở tài khoản; chi nhánh mở tài khoản...) của tài khoản ngân hàng số 2222668979.

- Sao kê toàn bộ giao dịch của tài khoản ngân hàng trên với tài khoản ngân hàng số 105875429399 trong ngày 17/4/2024.

Ngày 28/6/2024, Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VP Bank) có Công văn phúc đáp số 3432/2024/CV-VPB, xác định: Chủ tài khoản trên là anh Nguyễn Biên T, kèm theo công văn là sao kê các giao dịch theo yêu cầu của Cơ quan điều tra.

Ngày 05/6/2024, Cơ quan CSĐT Công an huyện VT ra Yêu cầu cơ quan/tổ chức/cá nhân cung cấp chứng cứ, đồ vật, tài liệu, dữ liệu điện tử số 2434, yêu cầu Ngân hàng TMCP Quân đội (MB)- Chi nhánh VP cung cấp:

- Thông tin về chủ tài khoản (Họ tên có dấu; ngày, tháng, năm S; địa chỉ; số điện thoại; số CMND/CCCD; ngày mở tài khoản; chi nhánh mở tài khoản...) của tài khoản ngân hàng số 0967652222.

- Sao kê toàn bộ giao dịch của tài khoản ngân hàng trên với tài khoản ngân hàng số 9984932434 trong các ngày 21/6/2023, 12/7/2023, 22/7/2023.

Ngày 19/6/2024, Ngân hàng TMCP Quân đội (MB)- Chi nhánh VP có Công văn phúc đáp số 742/MB-VP, xác định: Chủ tài khoản trên là Lưu Hồng H, kèm theo công văn là sao kê giao dịch theo yêu cầu của Cơ quan điều tra.

Qua nghiên cứu nội dung các công văn phúc đáp do các ngân hàng nêu trên cung cấp thấy nội dung giao dịch giữa các tài khoản do các ngân hàng cung cấp phù hợp với các giao dịch giữa H và những người nêu trên.

Tại Cơ quan điều tra, Lưu Hồng H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản cáo trạng số: 100/CT-VKSVT ngày 21 tháng 8 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện VT truy tố bị cáo Lưu Hồng H về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VT luận tội đối với bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố. Sau khi đánh giá, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Lưu Hồng H phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”;

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36; khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106, Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Xử phạt: bị cáo Lưu Hồng H từ 01 (Một) năm đến 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự Công an huyện VT, tỉnh VP nhận được Quyết định thi hành án. Không đề nghị xem xét khấu trừ thu nhập đối với bị cáo H.

Giao bị cáo Lưu Hồng H cho Ủy ban nhân dân phường TS, thành phố VY, tỉnh VP giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án.

Về hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo H số tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng sung quỹ nhà nước.

Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước số tiền 21.246.575đ (làm tròn là 21.246.500) của Lưu Hồng H.

- Trả lại cho H số tiền 1.003.500đ nhưng cần tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án.

- Truy thu của anh T.V.S số tiền 15.000.000đ để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với các giấy tờ 03 giấy vay tiền kiêm nhận nợ, trong đó 01 giấy thu giữ của anh C và 02 giấy do H tự nguyện giao nộp. Quá trình điều tra xác định, đây đều là các giấy tờ H hướng dẫn anh C, anh S viết cho H khi cho anh C, anh S vay tiền với lãi suất cao, là tài liệu chứng minh hành vi phạm tội của H nên được lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa, bị cáo H đã khai nhận hành vi phạm tội của mình và không có ý kiến tranh luận, lời bào chữa nào khác.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo xin được hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện VT, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện VT, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện VT, bị cáo H khai nhận: Bị cáo không có giấy phép kinh doanh trong lĩnh vực cho vay, cấp tín dụng. Tuy nhiên, từ tháng 5/2022 đến tháng 03/6/2024, bị cáo đã cho các anh T.V.S, sinh năm 1992 và anh Bùi Văn C, sinh năm 1970 đều trú tại thôn YT, xã YB, huyện VT, tỉnh VP vay tổng số tiền 30.000.000đ với lãi suất 5.000đ/1.000.000đ tiền vay/01 ngày (tương ứng với mức lãi suất 182,5%/năm, gấp 9,13 lần so với mức lãi suất cao nhất trong giao dịch dân sự quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015). Tổng số tiền lãi bị cáo đã thu của anh S, anh C là 57.000.000đ, trong đó: Số tiền lãi tối đa bị cáo được hưởng theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là 6.246.575đ (Sáu triệu hai trăm bốn mươi sáu nghìn năm trăm bảy mươi lăm đồng), tương đương với mức lãi suất 20%/năm, số tiền bị cáo thu lời bất C là 50.753.425đ (Năm mươi triệu bảy trăm năm mươi ba nghìn bốn trăm hai mươi lăm đồng).

Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với các lời khai, bản kiểm điểm của bị cáo, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác

đã thu thập được thể hiện trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ căn cứ kết luận bị cáo Lưu Hồng H phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Điều luật quy định: *“1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất C từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng ... thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm...”*

Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về tín dụng mà cụ thể là trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ; xâm phạm đến lợi ích của công dân được pháp luật bảo vệ. Mặc dù bản thân bị cáo biết việc cho vay lãi nặng là trái pháp luật, bị Nhà nước nghiêm cấm nhưng do mục đích thu lợi bất C mà bị cáo xem thường pháp luật, đã cho vay với mức lãi suất 182,5%/năm, gấp 9,13 lần so với mức lãi suất cao nhất trong giao dịch dân sự quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 và thu lời bất C từ việc cho vay lãi nặng với tổng cộng số tiền 50.753.425đ. Vì vậy cần xử phạt bị cáo mức hình phạt tương xứng để giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: về nhân thân: bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào; về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, cần phải xử phạt bị cáo hình phạt là cải tạo không giam giữ, như vậy mới có tác dụng giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội. Bị cáo là người không có việc làm, thu nhập ổn định nên không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 201 BLHS: *“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”*. Bị cáo H cho vay lãi nặng với mục đích thu lời bất C cần phạt bị cáo một số tiền sung quỹ Nhà nước.

Đối với anh Đ.A.D là người nhận tiền gốc, tiền lãi của anh C vào ngày 03/6/2024. Quá trình điều tra xác định, sáng ngày 03/6/2024 do có việc bận nên H đã nhờ anh D đến gặp anh C nhận tiền của anh C trả giúp H. Anh D không biết số tiền này là tiền gốc và tiền lãi của khoản vay mà H đã cho anh C vay với

lãi suất cao, trái quy định của pháp luật. Do vậy, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với anh D mà chỉ giáo dục, nhắc nhở là phù hợp.

Đối với anh T.D.Đ là chủ tài khoản ngân hàng số 105873535081 (0869867789) và anh Nguyễn Biên T là chủ tài khoản ngân hàng số 2222668979. Quá trình điều tra xác định, sau khi mở tài khoản ngân hàng trên thì anh Đ, anh T không có nhu cầu sử dụng tài khoản ngân hàng này nên đã cho H mượn rồi H sử dụng các tài khoản ngân hàng đó để nhận tiền lãi do anh S và anh C trả. Anh Đ và anh T không biết việc H sử dụng tài khoản ngân hàng mượn của anh Đ và anh T để thực hiện hoạt động cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Do vậy, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với anh Đ, anh T là phù hợp.

Đối với bà N.T.H là người được anh C nhờ chuyển tiền từ tài khoản ngân hàng số 105875429399 mở tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VietinBank) của bà H đến các tài khoản Ngân hàng do H mượn của anh Đ và anh T nêu trên để trả tiền lãi cho H. Quá trình điều tra xác định: Do anh C không có tài khoản Ngân hàng nên khi đến ngày trả lãi cho H mà không gặp H để trả tiền trực tiếp cho H được thì anh C đã đến gặp và đưa tiền mặt cho bà H rồi nhờ bà H chuyển tiền qua số tài khoản cho H. Khi nhận chuyển tiền giúp anh C thì bà H không biết mục đích chuyển tiền của anh C là để trả tiền lãi cho H. Bà H không biết việc anh C đã vay tiền của H với lãi suất cao, trái quy định của pháp luật. Do vậy, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với bà H là phù hợp.

Về xử lý vật chứng:

- Đối với số tiền 6.250.000đ do Lưu Hồng H giao nộp ngày 10/7/2024. Quá trình điều tra xác định trong số tiền này có 6.246.575đ là tiền lãi theo quy định của pháp luật, tương ứng với mức lãi suất 20%/năm mà H đã thu được khi cho anh C và anh S vay tiền với lãi suất cao, khoản tiền này được xác định là tiền do H phạm tội mà có; còn lại 3.425đ là tiền hợp pháp của H do lao động tích góp mà có. Do vậy, cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước số tiền 6.246.575đ (làm tròn là 6.246.500đ) và trả lại cho H số tiền 3.425đ (làm tròn là 3.500đ) theo quy định của pháp luật.

- Đối với số tiền 16.000.000đ thu giữ của anh Đ.A.D. Quá trình điều tra xác định số tiền này là tiền gốc và tiền lãi anh C đưa cho anh D cầm hộ để trả cho H, trong đó tiền gốc là 15.000.000đ, tiền lãi là 1.000.000đ (bao gồm cả tiền lãi tối đa H được hưởng theo quy định của pháp luật và tiền lãi H thu lời bất C khi cho anh C vay tiền). Do ngày 09/7/2024 H đã trả lại toàn bộ số tiền thu lời bất C cho anh C và ngày 10/7/2024 H đã giao nộp cho Cơ quan điều tra toàn bộ tiền lãi tối đa mà H được hưởng theo quy định của pháp luật khi cho anh C vay tiền, tương đương với mức lãi suất 20%/năm nên cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước số tiền 15.000.000đ và trả lại cho H số tiền 1.000.000đ nhưng tạm giữ

để đảm bảo công tác thi hành án.

- Đối với số tiền 15.000.000đ tiền gốc anh S vay của H vào ngày 11/6/2023 nhưng chưa trả cho H, là tiền H sử dụng cho anh S vay với lãi suất cao để thu lời bất C. Quá trình điều tra, anh S chưa giao nộp lại số tiền này cho Cơ quan điều tra nên cần truy thu của anh S số tiền 15.000.000đ để sung vào ngân sách Nhà nước theo quy định.

- Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại Iphone 11 Pro Max, màu xanh, bên trong gắn 01 thẻ sim điện thoại mang số thuê bao 0338.508.735 và 01 chiếc xe mô tô BKS: 88B1-189.19 thu giữ của Đ.A.D. Quá trình điều tra xác định điện thoại, thẻ sim và xe mô tô nêu trên đều là tài sản hợp pháp của anh Đ.A.D, trong đó: Điện thoại và thẻ sim do anh D mua tại một cửa hàng điện thoại ở thành phố VY (nhưng không nhớ tên, địa chỉ cửa hàng này), xe mô tô do anh D mua lại của anh Nguyễn Văn Nam, S năm 1977, trú tại TDP Đông Phú 1, phường ĐT, thành phố VY, tỉnh VP (anh D chưa làm thủ tục sang tên, toàn bộ giấy tờ xe vẫn đứng tên anh Nam). Anh D không sử dụng các tài sản nêu trên vào việc vi phạm pháp luật. Do vậy, ngày 24/6/2024, Cơ quan CSĐT Công an huyện VT đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho anh D toàn bộ các tài sản nêu trên. Nhận lại tài sản, anh D không có yêu cầu, đề nghị gì.

- Đối với chiếc điện thoại di động và sim thuê bao mà Lưu Hồng H sử dụng để liên lạc, trao đổi với anh S, anh C về việc cho những người này vay tiền với lãi suất cao, trái quy định của pháp luật. Quá trình điều tra, H khai đã sử dụng 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, loại Galaxy Note 20 Ultra, màu đen, bên trong gắn 02 thẻ sim điện thoại mang số thuê bao 0962.246.620 và 0869.867.789 của H sử dụng liên lạc, trao đổi với anh S và anh C. Tuy nhiên, ngày 03/6/2024 khi H đi chơi tại thành phố H.N thì H đã làm rơi chiếc điện thoại và 02 thẻ sim điện thoại nêu trên nhưng không rõ rơi ở vị trí nào. Do vậy, Cơ quan điều tra chưa thu giữ được. Cơ quan điều tra đã ra thông báo truy tìm vật chứng đối với chiếc điện thoại và 02 thẻ sim điện thoại nêu trên, khi nào thu giữ được thì xử lý sau là phù hợp.

- Đối với các giấy tờ 03 giấy vay tiền kiêm nhận nợ, trong đó 01 giấy thu giữ của anh C và 02 giấy do H tự nguyện giao nộp. Quá trình điều tra xác định, đây đều là các giấy tờ H hướng dẫn anh C, anh S viết cho H khi cho anh C, anh S vay tiền với lãi suất cao, là tài liệu chứng minh hành vi phạm tội của H nên được lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự:

Đối với số tiền 50.753.425đ là tiền H thu lời bất C của anh T.V.S và anh Bùi Văn C (Trong đó, H thu lời bất C của anh C số tiền 26.712.329đ, thu lời bất C của anh S số tiền 24.041.096đ). Quá trình điều tra xác định các số tiền mà anh S, anh C đã trả cho H đều là tiền do lao động hợp pháp mà có. Ngày 09/7/2024, H

đã trả lại cho anh C số tiền 26.720.000đ, trả cho anh S số tiền 24.050.000đ. Nhận đủ số tiền nêu trên anh S, anh C không yêu cầu H phải trả thêm khoản tiền nào nữa nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Bị cáo Lưu Hồng H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Lưu Hồng H phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 201; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt: Bị cáo Lưu Hồng H 01 (Một) năm cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự Công an huyện VT, tỉnh VP nhận được Quyết định thi hành án. Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo H.

Giao bị cáo Lưu Hồng H cho Ủy ban nhân dân phường TS, thành phố VY, tỉnh VP giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án.

Trong trường hợp bị cáo H có thay đổi về nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 100 của Luật thi hành án hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo Lưu Hồng H số tiền: 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) sung quỹ nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước số tiền 21.246.575đ (làm tròn là 21.246.500đ) của Lưu Hồng H

- Trả lại cho Lưu Hồng H số tiền 1.003.425đ (làm tròn là 1.003.500đ) nhưng cần tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án.

- Truy thu của anh T.V.S số tiền 15.000.000đ để sung vào ngân sách Nhà nước theo quy định.

(Các vật chứng có đặc điểm như trong biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện VT và Chi cục thi hành án dân sự huyện VT).

Về án phí: Áp dụng Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Lưu Hồng H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng

cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh VP;
- VKSND tỉnh VP;
- VKSND huyện VT;
- THADS huyện VT;
- Công an huyện VT;
- Bị cáo; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- UBND phường TS, TP. VY;
- Lưu HS+Vp .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Thị Huyền

.